

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT**
 - Mã chứng khoán: VNF
 - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại: (028) 38 44 64 09 Fax:
 - Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinafreight.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/04/2026 tại đường dẫn: <https://www.vinafreight.com/thong-tin-dau-tu/bao-cau-thuong-nien.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2025
của Công ty Cổ phần
Vinafreight.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Anh Minh
Tổng Giám đốc

Số: 01/2026/BCTN-VNF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

Thường niên năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội,

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- 1.1 Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT**
- 1.2 Tên viết tắt: Vinafreight
- 1.3 Tên Tiếng Anh: Vinafreight Joint Stock Company
- 1.4 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2002, thay đổi lần thứ 20 ngày 10/10/2025.
- 1.5 Vốn điều lệ: 317.158.800.000 đồng
- 1.6 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 317.158.800.000 đồng
- 1.7 Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 1.8 Số điện thoại: (028) 3844 6409 - Số fax: (028) 3848 8359
- 1.9 Website: www.vinafreight.com
- 1.10 Mã cổ phiếu: VNF
- 1.11 **Quá trình hình thành và phát triển:**

Trải qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, Công ty ghi nhận những cột mốc sự kiện nổi bật như sau:

- Năm 1997 : Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Dịch vụ Kho Vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập.
 - Năm 2001 : Theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công ty thực hiện cổ phần hóa chuyển Xí nghiệp Dịch vụ Kho Vận thành Công ty Vận tải Ngoại Thương.
 - Năm 2002 : Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân, gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS, thực hiện chiến lược phát triển thông qua việc mở rộng chi nhánh, góp vốn liên doanh, liên kết.
 - Năm 2003 : Công ty thành lập Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương), tại khu chế xuất Tân Thuận, tại khu công nghiệp Amata (Đồng Nai); thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hà Nội, Hải Phòng; Phòng Đại lý Hãng tàu UASC. Đồng thời, Công ty góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt - Nhật.
 - Năm 2004 : Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế (Vector Aviation) với tỷ lệ góp vốn 90%; góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải Ô tô V-Truck (tỷ lệ góp vốn 9%); góp vốn thành lập Công ty TNHH Vax Global (tỷ lệ góp vốn 40%).
 - Năm 2005 : Công ty tăng vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế từ 900 triệu đồng lên 13,5 tỷ đồng.
- Đến năm 2006

- Năm 2007 : Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng và tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ đồng lên mức 56 tỷ đồng; thực hiện tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế lên 15 tỷ đồng.
- Năm 2008 : Công ty bắt đầu cung cấp trọn gói vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu cho một số khách hàng lớn từ nước ngoài. Công ty con Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế chính thức đảm nhận khai thác chuyến bay feeder hàng hóa Hồ Chí Minh, Việt Nam – Bangkok, Thái Lan. Vinafreight trở thành Công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện thuê máy bay vận tải lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa.
- Năm 2009 : Công ty mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air và khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.
- Năm 2011 : Cổ phiếu VNF chính thức được giao dịch trên sàn Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Năm 2014 : Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế được chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa và hành khách của Hãng hàng không Jet Airways/Ấn Độ.
- Năm 2015 : Công ty được Bộ Giao thông Vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức. Giấy phép có thời hạn hiệu lực là 05 năm kể từ ngày cấp. Ngày 06/11/2015, Tổng cục Hải Quan cấp giấy phép công nhận Đại lý làm thủ tục Hải quan. Ngày 10/11/2015, Công ty được chỉ định làm Tổng đại lý của hãng tàu Pan Continental Shipping (Hàn Quốc).
- Năm 2017 : Ngày 20/05/2017, Công ty và phòng đại lý hãng tàu PanCon đón nhận tàu PanCon Champion từ Hàn Quốc đưa sang cảng Cát Lái để khai thác vận chuyển container tuyến Hàn Quốc – Việt Nam – Thái Lan.
- Năm 2018 : Công ty tăng vốn điều lệ từ 56 tỷ đồng lên hơn 83,9 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm 2.792.250 cổ phiếu; thực hiện nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty liên kết VNT Logistics từ 23,06% lên 24,78%.
- Năm 2019 : Địa chỉ trụ sở kinh doanh chính được thay đổi về Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM. Công ty cũng hoàn tất thủ tục giải thể cho Công ty liên kết là Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vina.
- Năm 2020 : Công ty đạt được nhiều giải thưởng lớn và được vinh danh trong Top Công ty uy tín ngành Logistics.
- Năm 2021 : Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 264.022.010.000 đồng.
- Năm 2022 : Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức và theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ lên 317.158.800.000 đồng.
- Năm 2023 : Công ty liên tiếp 4 năm liền vào danh sách TOP 10 Công ty uy tín nhất ngành Logistics.
- Năm 2024 : Công ty tiếp tục được vào danh sách TOP 10 Công ty uy tín nhất ngành Logistics.
- Năm 2025 : Công ty tiếp tục được vào danh sách TOP 10 Công ty uy tín nhất ngành Logistics.

1.12 Thành tựu nổi bật khác của Công ty:

- Năm 2014 - 2017 : Công ty được vinh danh Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng mạnh nhất 4 năm liên tiếp.

- Năm 2017 : Công ty được vinh danh Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận cao nhất Việt Nam.
Công ty được vinh danh Top 5 Doanh nghiệp tư nhân vận tải lớn nhất Việt Nam.
- Năm 2013 – 2021 : Công ty được vinh danh Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 9 năm liên tiếp do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Năm 2021, Công ty đứng thứ hạng 265/500, tăng vượt bậc so với năm 2020 (thứ hạng 387/500).
- Năm 2020 – 2021 : Công ty được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với các đơn vị truyền thông đánh giá và vinh danh trong Top 10 Công ty Uy tín ngành Logistics 2 năm liên tiếp.
- Năm 2021 : Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tiếp tục đánh giá và xếp Công ty Cổ phần Vinafreight vào TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam với thứ hạng 441/500.
- Năm 2022 : Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2022 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Công ty Cổ phần Vinafreight đã vinh dự 3 năm liên tiếp ghi danh trong bảng xếp hạng.
Công ty Cổ phần Vinafreight đã được vinh danh ở hạng mục “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh” (Fast Enterprise Award) do Enterprise Asia - tổ chức phi chính phủ hàng đầu Châu Á về doanh nghiệp - trao tặng.
Công ty vinh dự được lọt vào top 385 giải thưởng doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin vào năm 2022 do VietStock đánh giá.
Vinafreight vinh dự được lọt vào top 385 giải thưởng doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin vào năm 2022 do VietStock đánh giá.
- Năm 2023 : Công ty được vinh danh Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2023 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Công ty Cổ phần Vinafreight đã vinh dự 4 năm liên tiếp ghi danh trong bảng xếp hạng.
Công ty được vinh danh Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- Năm 2024 : Công ty được vinh danh Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2024 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Công ty Cổ phần Vinafreight đã vinh dự 5 năm liên tiếp ghi danh trong bảng xếp hạng.
Công ty được vinh danh Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam
- Năm 2025 : Công ty được vinh danh Top 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2025 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đánh giá và xếp hạng. Công ty Cổ phần Vinafreight đã vinh dự 6 năm liên tiếp ghi danh trong bảng xếp hạng.
Công ty được vinh danh Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề
1.	5229 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Hoạt động Logistics.
2.	8229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật). Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
3.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
4.	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
5.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).
6.	5320	Chuyển phát.

2.2 Các hoạt động Logistics chủ chốt:

2.2.1 **Dịch vụ hàng không** bao gồm vận chuyển hàng không, vận chuyển kết hợp đường biển hàng không, dịch vụ giao hàng tận nơi, dịch vụ hải quan, dịch vụ môi giới bảo hiểm hàng hóa, dịch vụ chia lẻ hàng nhập khẩu, dịch vụ giám định hàng hóa.

2.2.2 **Dịch vụ đường biển** bao gồm dịch vụ làm hàng nguyên container và hàng lẻ toàn thế giới, dịch vụ gom hàng và chia lẻ, dịch vụ Đại lý cho người mua hàng, dịch vụ hải quan, dịch vụ vận tải đường bộ dịch vụ môi giới bảo hiểm và thẩm định hàng hóa, dịch vụ hàng dự án và triển lãm.

2.2.3 **Dịch vụ đại lý tàu biển** bao gồm dịch vụ đại lý hàng hóa, dịch vụ quản lý, thuê tàu và môi giới hàng hải, dịch vụ kiểm hàng và dịch vụ tàu biển.

2.2.4 **Dịch vụ giá trị gia tăng** bao gồm dịch vụ hậu cần cho quá trình xử lý hàng hóa, kho và tư vấn về các dịch vụ xuất nhập khẩu, khai quan, phương thức gửi hàng nhanh nhất với hiệu quả cao và chi phí tiết kiệm nhất.

2.3 Địa bàn kinh doanh:

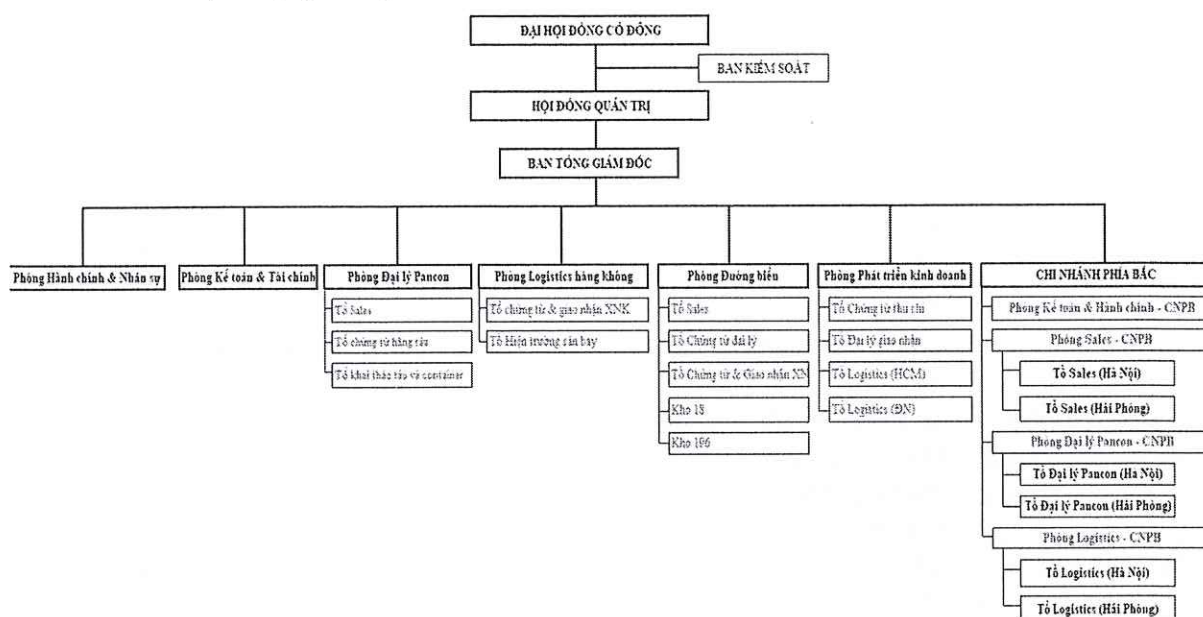
Công ty cung cấp các dịch vụ logistics tổng thể từ vận tải nội địa và phân phối, kho bãi, dịch vụ hải quan và giao nhận trải dài từ Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội đến Hải Phòng. Các tiêu chuẩn quốc tế cùng kiến thức chuyên ngành sâu rộng được kết hợp hoàn hảo cho những giải pháp tối ưu giúp đẩy mạnh tính hiệu quả và đón đầu các nhu cầu thị trường cho phép chúng tôi vận chuyển hàng hóa đến bất cứ nơi nào trên thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty là công ty cổ phần tổ chức theo mô hình quản trị tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp như sau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các Công ty con, Công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ	VĐL Vinafreight góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Đơn vị trực thuộc:						
1	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Vinafreight Tại Thành Phố Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà Ford Thăng Long, số 105 Láng Hạ, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa			
2	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Vinafreight Tại Hải Phòng	Tầng 3A, Tòa nhà Transco, số 5 lô 2B khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải hàng hóa			
Công ty con:						
1	Công Ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, Lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	45 tỷ đồng	40,5 tỷ đồng	90%
2	Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu	Lầu 1, Block C, Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, Phường Tân	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	1 tỷ đồng	1 tỷ đồng	100%

	SFS Việt Nam	Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh				
3	Công ty TNHH Logistics Xue Hăng Việt Nam	39B Trường Sơn, Lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	1.140 triệu đồng	581 triệu đồng	51%
4	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt (*) (Vietway) (*) Đang Làm Thủ Tục Giải Thê)	Lầu 1, Block C, Tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý bán vé máy bay và cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa	2 tỷ đồng	918 triệu đồng	45,9%
Công ty liên kết:						
1	Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	31,48 tỷ đồng	8,78 tỷ đồng	27,89%
2	Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics JSC)	Số 2 Bích Câu, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	167 tỷ đồng	58,24 tỷ đồng	24,87%
3	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistic Thăng Long	Tổ dân phố Bưởi, Phường Đường Hào, Tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dịch vụ logistics	230,65 tỷ đồng	52,96 tỷ đồng	22,96%
4	Công Ty Cổ Phần Cảng Mipecc	Bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải, TP. Hải Phòng	Kinh doanh khai thác cảng	3.125 tỷ đồng	305,85 tỷ đồng	21,33%
5	Công Ty Cổ Phần Logistics Vĩnh Lộc	Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	72 tỷ đồng	14,4 tỷ đồng	20%

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trải qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, Công ty tiếp tục kiên định với triết lý kinh doanh bền vững, lấy khách hàng làm trung tâm với phương châm “Chúng ta cùng thắng”. Trong bối cảnh thị trường logistics năm 2025 có nhiều biến động, Công ty định hướng phát triển theo hướng ổn định – hiệu quả – thích ứng linh hoạt, không chỉ chú trọng tăng trưởng doanh thu mà còn nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Các mục tiêu trọng tâm của công ty chú trọng vào:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên môn cao, thích ứng nhanh với yêu cầu chuyển đổi số và sự thay đổi của thị trường.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý vận hành, nâng cao hiệu quả quản trị và trải nghiệm khách hàng.
- Tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh giá cước vận tải biến động và biên lợi nhuận ngành có xu hướng thu hẹp.
- Tăng cường năng lực quản trị rủi ro, chủ động ứng phó với các biến động kinh tế, chính sách và chuỗi cung ứng.
- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển bền vững, gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm môi trường và xã hội.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong giai đoạn 2025 và các năm tiếp theo, Công ty định hướng phát triển theo các trụ cột chiến lược sau:

- Duy trì ổn định mảng dịch vụ hàng không, đồng thời linh hoạt điều chỉnh theo biến động thị trường và tối ưu hiệu quả khai thác.
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải đường biển, đặc biệt là các tuyến xuất nhập khẩu chủ lực, tận dụng xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Tăng cường phát triển dịch vụ logistics trọn gói (end-to-end), nâng cao giá trị gia tăng và khả năng giữ chân khách hàng.
- Mở rộng thị trường khách hàng, tập trung vào khách hàng lớn, đồng thời phát triển khách hàng mới trong các lĩnh vực tiềm năng như thương mại điện tử, sản xuất và xuất khẩu.
- Phát triển mạnh logistics nội địa, tận dụng tiềm năng thị trường trong nước và sự tăng trưởng của hệ thống phân phối.
- Giữ vững và phát huy vai trò Tổng đại lý hàng hóa, trong lĩnh vực hàng không, mở rộng hợp tác với các hãng vận chuyển quốc tế.
- Đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng và công nghệ, nâng cao năng lực vận hành và khả năng cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục xây dựng và củng cố thương hiệu Vinafreight trên thị trường trong nước và quốc tế, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp logistics uy tín và có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

a) Mục tiêu đối với môi trường

- Công ty luôn cố gắng tối ưu hóa chi phí bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguyên nhiên liệu đầu vào, đầu ra và đảm bảo sử dụng máy móc chuyên dụng phù hợp, đúng mục đích trong hoạt động kinh doanh nhằm giảm tác động đến môi trường xung quanh, hạn chế các tác động gây nên hiệu ứng nhà kính, từ đó đưa Công ty phát triển theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, định hướng trong tương lai Công ty sẽ sử dụng các máy móc, thiết bị tiết kiệm nhiên liệu và sử dụng nguồn năng lượng thân thiện với môi trường xung quanh, hướng ứng đến mục tiêu Net zero vào năm 2050 của Chính Phủ.

- Công ty luôn chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước và nguồn tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch.
- b) Mục tiêu đối với người lao động, xã hội và cộng đồng
Công ty xác định con người là yếu tố cốt lõi trong phát triển bền vững, do đó tập trung vào:
 - Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định và phát triển, đảm bảo quyền lợi và nâng cao đời sống cho người lao động.
 - Phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực và thích ứng với chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.
 - Đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội, thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.
 - Cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và trách nhiệm xã hội, đảm bảo sự phát triển hài hòa và bền vững

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro kinh tế

- Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức như tăng trưởng chậm lại, lãi suất duy trì ở mức cao tại nhiều quốc gia, cùng với các yếu tố bất ổn địa chính trị kéo dài đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại quốc tế. Điều này làm suy giảm nhu cầu vận chuyển hàng hóa và gây áp lực lớn lên ngành logistics.
- Trong nước, nền kinh tế vẫn tồn tại những hạn chế như năng suất lao động chưa cao, áp lực lạm phát, chi phí vốn tăng, cùng với những rủi ro liên quan đến nợ công và cân đối ngân sách. Những yếu tố này ảnh hưởng đến sức mua và hoạt động xuất nhập khẩu, từ đó tác động gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bên cạnh đó, thị trường vận tải quốc tế ghi nhận xu hướng giảm mạnh giá cước sau giai đoạn tăng cao trước đó, làm ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp logistics.
- Nhận thức rõ rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường công tác theo dõi, phân tích thị trường, chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.2 Rủi ro pháp luật

- Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định chuyên ngành logistics.
- Trong năm 2025, hệ thống pháp lý trong lĩnh vực vận tải và logistics tiếp tục có nhiều thay đổi, đặc biệt là các quy định liên quan đến:
 - Quản lý vận tải đường bộ (thời gian lái xe, an toàn giao thông)
 - Quy định về phát thải và bảo vệ môi trường
 - Chính sách hải quan và thương mại quốc tế
- Những thay đổi này có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành và yêu cầu Công ty phải thích ứng nhanh chóng.
- Để giảm thiểu rủi ro, Công ty thường xuyên cập nhật các quy định mới, tổ chức đào tạo nội bộ và hoàn thiện hệ thống quản trị nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh phù hợp với khung pháp lý hiện hành trong nước và quốc tế.

5.3 Rủi ro cạnh tranh

- Ngành logistics Việt Nam tiếp tục là lĩnh vực thu hút mạnh mẽ sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các doanh nghiệp nước ngoài với lợi thế về vốn, công nghệ, mạng lưới toàn cầu và năng lực quản trị hiện đại đang chiếm ưu thế đáng kể trên thị trường.
- Trong khi đó, các doanh nghiệp trong nước phần lớn có quy mô vừa và nhỏ, hoạt động còn

phân tán, thiếu liên kết, dẫn đến hạn chế về năng lực cạnh tranh và thị phần.

- Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh của thương mại điện tử và logistics tích hợp (3PL, 4PL) đang làm thay đổi hành vi khách hàng, đòi hỏi dịch vụ nhanh hơn, minh bạch hơn và chi phí tối ưu hơn.
- Trước bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty đã:
 - Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường.
 - Tăng cường đầu tư công nghệ và chuyển đổi số.
 - Phát triển quan hệ đối tác chiến lược trong và ngoài nước.
 - Tận dụng lợi thế am hiểu thị trường nội địa.
- Qua đó, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố vị thế trên thị trường.

5.4 Rủi ro đặc thù ngành

- Hoạt động trong lĩnh vực logistics, Công ty thường xuyên phải thực hiện thanh toán trước cho các hãng tàu và hãng hàng không trong khi thời gian thu hồi công nợ từ khách hàng kéo dài, dẫn đến rủi ro chiếm dụng vốn và áp lực về vốn lưu động.
- Ngoài ra, trong năm 2025, chi phí vận hành ngành logistics có xu hướng gia tăng do:
 - Giá nhiên liệu biến động.
 - Chi phí nhân công tăng.
 - Các quy định mới làm giảm hiệu suất vận hành (đặc biệt trong vận tải đường bộ).
- Bên cạnh đó, các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển như chậm trễ, sai sót chứng từ, hoặc tranh chấp với khách hàng cũng có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và uy tín của Công ty.
- Để kiểm soát rủi ro, Công ty đã thực hiện đánh giá tín dụng khách hàng chặt chẽ, áp dụng chính sách ký quỹ, thanh toán trước đối với khách hàng mới cũng như tăng cường quản lý công nợ và trích lập dự phòng và tối ưu quy trình vận hành nhằm giảm thiểu sai sót.

5.5 Rủi ro tỷ giá

- Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và logistics quốc tế, phần lớn các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng ngoại tệ, chủ yếu là USD.
- Trong năm 2025, tỷ giá ngoại tệ tiếp tục biến động khó lường dưới tác động của chính sách tiền tệ toàn cầu và tình hình kinh tế vĩ mô. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Để giảm thiểu rủi ro, Công ty:
 - Chủ động cân đối dòng tiền ngoại tệ.
 - Tối ưu thời điểm thanh toán.
 - Theo dõi sát diễn biến tỷ giá.
 - Xây dựng chính sách giá phù hợp với biến động thị trường.

5.6 Rủi ro môi trường, thiên tai và dịch bệnh

- Các yếu tố như thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các sự kiện bất khả kháng tiếp tục là những rủi ro khó dự đoán nhưng có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động logistics.
- Thực tế cho thấy, các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến vận chuyển, lưu kho và làm gia tăng chi phí vận hành.
- Ngoài ra, xu hướng phát triển bền vững và yêu cầu giảm phát thải trong ngành logistics đang ngày càng được chú trọng, tạo áp lực đầu tư cho doanh nghiệp.

- Đề ứng phó, Công ty:
- Tăng cường công tác dự báo và cảnh báo rủi ro.
- Mua bảo hiểm tài sản và hàng hóa.
- Xây dựng phương án dự phòng trong vận hành.
- Từng bước triển khai các giải pháp logistics xanh.

5.7 Rủi ro công nghệ và chuyển đổi số

- Trong bối cảnh ngành logistics đang chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình số hóa, việc ứng dụng công nghệ trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro như đầu tư không hiệu quả, hệ thống vận hành không đồng bộ, rủi ro an ninh dữ liệu, cũng như khả năng thích ứng của nguồn nhân lực.
- Nhằm giảm thiểu các rủi ro trên, Công ty đã và đang triển khai các giải pháp cụ thể như sau:
 - Thứ nhất, xây dựng chiến lược chuyển đổi số bài bản và phù hợp với thực tiễn hoạt động. Công ty định hướng triển khai chuyển đổi số theo từng giai đoạn, ưu tiên các hạng mục mang lại hiệu quả cao như quản lý vận tải, quản lý kho, và hệ thống theo dõi đơn hàng theo thời gian thực. Việc đầu tư được thực hiện có chọn lọc, tránh dàn trải, đảm bảo tối ưu chi phí và hiệu quả.
 - Thứ hai, nâng cao năng lực hạ tầng công nghệ thông tin. Công ty từng bước nâng cấp hệ thống máy chủ, nền tảng dữ liệu và các phần mềm quản trị nhằm đảm bảo tính ổn định, khả năng mở rộng và tích hợp giữa các bộ phận. Đồng thời, tăng cường sử dụng các nền tảng điện toán đám mây nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và giảm thiểu rủi ro gián đoạn hệ thống.
 - Thứ ba, tăng cường bảo mật và an toàn thông tin. Công ty áp dụng các giải pháp bảo mật tiên tiến như phân quyền truy cập, mã hóa dữ liệu, sao lưu định kỳ và kiểm soát rủi ro an ninh mạng. Bên cạnh đó, tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho cán bộ nhân viên nhằm hạn chế các rủi ro từ yếu tố con người.
 - Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Công ty chú trọng đào tạo và nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là các bộ phận vận hành và quản lý. Đồng thời, thu hút nhân sự có chuyên môn về công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình triển khai và vận hành hệ thống số.
 - Thứ năm, hợp tác với các đối tác công nghệ uy tín. Công ty chủ động hợp tác với các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ có kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics để triển khai các hệ thống phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và khả năng phát triển lâu dài.
 - Thứ sáu, tăng cường kiểm soát và đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ. Công ty xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả đối với từng dự án chuyển đổi số, thường xuyên rà soát, điều chỉnh để đảm bảo các khoản đầu tư mang lại giá trị thực tiễn, tránh lãng phí nguồn lực.
- Với định hướng chuyển đổi số là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển, Công ty cam kết đầu tư có trọng điểm, kiểm soát chặt chẽ rủi ro và từng bước nâng cao năng lực công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và khách hàng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

DVT: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	(%) TH 2025 so với	
					Kế hoạch năm 2025	Cùng kỳ năm 2024
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.	1.545	1.657	1.773	107%	93%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.	54,2	82,1	100,3	152%	82%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT).	54,2	85,8	101,7	158%	84%
4	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu thuần bán hàng.	3,5%	5,2%	5,7%	148%	90%

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	1.545	1.657	107%
Lợi nhuận trước thuế	54,2	85,8	158%

Năm 2025, Vinafreight đối mặt với nhiều khó khăn, bất ổn từ tình hình chính trị quốc tế cũng như kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn. Nhưng với nỗ lực vượt khó khăn Công ty vẫn ghi nhận tổng doanh thu đạt 1.657 tỷ đồng so với kế hoạch 1.545 tỷ đồng (vượt 7% kế hoạch) và lợi nhuận trước thuế đạt 85,8 tỷ đồng (vượt 58% so với kế hoạch).

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch HĐQT	Sinh ngày: 10/04/1960 Quốc tịch: Việt Nam	0,92%
2	Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc	Sinh ngày: 15/10/1976 Quốc tịch: Việt Nam	0,06%
3	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	Sinh ngày: 10/10/1971 Quốc tịch: Việt Nam	0,0018%

2.2 Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

2.3 Những thay đổi của Ban điều hành trong năm 2025: Không có

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên của công ty:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	121	100%
1	Trên Đại học	1	0,83%
2	Đại học	66	54,55%
3	Cao đẳng	25	20,66%
3	Trung cấp	5	4,13%
4	Khác	24	19,83%
B	Theo giới tính	121	100%
1	Nam	66	54,55%
2	Nữ	55	45,45%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	121	100%
1	Hợp đồng xác định thời hạn	30	24,79%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	91	75,21%

2.3.2 Các chính sách đối với người lao động:

a) Về đào tạo:

Chính sách đào tạo của Công ty tiếp tục lấy người lao động làm trung tâm, đồng thời được điều chỉnh theo hướng tinh gọn – thực chất – gắn với hiệu quả công việc trong bối cảnh tối ưu chi phí năm 2025. Công ty Tập trung đào tạo theo nhu cầu thực tế từng bộ phận nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng mới, từ các khóa học về sản phẩm và dịch vụ để nâng cao hiểu biết và kỹ năng như các khóa học về nghiệp vụ logistics, quản trị chi phí, quản lý rủi ro, quản lý cấp trun... Tất cả các hoạt động đào tạo này đều nhằm mục đích nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của nhân viên, giúp họ hoàn thành tốt công việc, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển của Công ty.

b) Về tuyển dụng:

Công ty tiếp tục duy trì chính sách tuyển dụng công khai, minh bạch, đồng thời điều chỉnh theo hướng tuyển dụng chọn lọc – ưu tiên chất lượng hơn số lượng. Tuyển dụng theo nhu cầu thực tế, phù hợp với kế hoạch kinh doanh và định biên nhân sự, ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm trong ngành logistics, Có khả năng làm việc đa nhiệm và chịu áp lực cao. Công ty cũng ứng dụng công nghệ trong tuyển dụng nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả.

c) Về môi trường công việc:

Công ty tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp – kỷ luật – hợp tác – hiệu quả, đồng thời thích ứng với yêu cầu chuyên đổi trong giai đoạn mới. Công ty tăng cường chuẩn hóa quy trình làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành, đồng thời xây dựng văn hóa doanh nghiệp minh bạch, trách nhiệm, hiệu quả và khuyến khích tinh thần chủ động, cải tiến và tối ưu công việc.

Vinafreight không ngừng nỗ lực tạo ra mọi điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng một môi trường

làm việc năng động, thân thiện, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và sẵn sàng hợp tác. Chính sách tuyển dụng của Công ty được thiết lập một cách công khai và minh bạch, đảm bảo tuân thủ các tiêu chí đánh giá về trình độ và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí và chức danh.

d) **Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:**

- e) Chính sách lương, thưởng và phúc lợi được xây dựng trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời điều chỉnh theo hướng gắn chặt với hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động. Cơ chế tiền lương xây dựng theo giá trị công việc, vị trí và năng lực cá nhân cũng như tham chiếu mặt bằng thị trường cùng ngành. Chính sách thưởng, phúc lợi luôn gắn với kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc, đảm bảo đầy đủ chế độ theo quy định cũng như các chế độ hỗ trợ, chăm lo đời sống cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

- Đến thời điểm hiện tại Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Mipec số vốn là 305,85 tỷ đồng.
- Đầu tư vào Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long là 52,9 tỷ đồng và Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương là 58,2 tỷ đồng.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Trong năm 2025, Công ty nhận lợi nhuận được chia là 51.641.623.575 đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	950.677	978.688	103%
2	Doanh thu thuần	1.773.057	1.656.933	93%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	100.306	82.093	82%
4	Lợi nhuận khác	1.375	3.692	268%
5	Lợi nhuận trước thuế	101.682	85.784	84%
6	Lợi nhuận sau thuế	73.015	68.311	94%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	15%	100%

Trước những khó khăn kinh tế trong và ngoài nước trong năm 2025 cũng như tình hình căng thẳng địa chính trị ở nhiều nơi trên thế giới đã khiến hoạt động kinh doanh của Vinafreight gặp nhiều khó khăn. Trong năm qua, tổng tài sản của Công ty được giữ ở mức ổn định và tăng xấp xỉ 3% so với năm trước. Doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 1.657 tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ. Đồng thời, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận trước thuế đạt 82 tỷ đồng và 85,7 tỷ đồng lần lượt tương đương 82% và 84% so với năm 2024.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,79	1,71
Hệ số thanh toán nhanh: (<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,79	1,70
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,7%	35,5%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	53,1%	55,1%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Vòng	1.313	573
Vòng quay tổng tài sản (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Vòng	1,96	1,72
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,1%	4,1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,2%	10,9%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,1%	7,1%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,7%	5,0%

4.2.1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Hoạt động trong ngành dịch vụ logistics nên khoản mục Hàng tồn kho là giá trị dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 đạt 1,71 lần, giảm 0,09 lần so với cùng kỳ năm 2024. Mức giảm này là do Tài sản ngắn hạn năm 2025 tăng gần 1% so với năm 2024, Nợ ngắn hạn năm 2025 tăng 6% so với năm 2024, sự thay đổi này không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty.

4.2.2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Năm 2025, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 35,5% và 55,1% tăng so với năm 2024 lần lượt là 0,86% và 2,05%. Mức tăng này là do nợ ngắn hạn tăng 6%, chủ yếu tăng các khoản phải trả nhà cung cấp.

Ngoài ra phần vốn chủ sở hữu của Công ty có sự biến động do Công ty chỉ chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông với mức chi trả 15%.

4.2.3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Vinafreight kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên Hàng tồn kho của Công ty là giá trị dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng. Về vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2025 giảm 0,24 lần so với năm 2024. Mức giảm này là do Doanh thu năm 2025 giảm 7% nhưng Tổng tài sản bình quân tăng 7% so với năm 2024.

4.2.4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 68,3 tỷ, giảm 4,7 tỷ (tương ứng giảm 6,4%) so với năm 2024, dẫn đến các hệ số giảm như sau:

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 4,1% , tương đương năm 2024.
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 10,9% so với năm 2024 là 12,2%.
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân đạt 7,1% so với năm 2024 là 8,1%.
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 5% so với năm 2024 là 5,7%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	31.715.880
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.700.380
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	31.715.880
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.0000 đồng/cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu		
1	Cổ đông lớn	29.958.285	85%
2	Cổ đông nhỏ	4.757.595	155%
II	Cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông Nhà nước/cổ đông khác		
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
2	Cổ đông khác	31.715.880	100%
III	Cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông trong nước/cổ đông nước ngoài		
1	Cổ đông trong nước	31.507.449	99,34%
2	Cổ đông nước ngoài	208.431	0,66%
IV	Cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức/cổ đông cá nhân		
1	Cổ đông tổ chức	27.065.110	85,34%
2	Cổ đông cá nhân	4.650.770	14,66%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

ĐVT: triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức thay đổi vốn	Thẩm quyền thông qua
Năm 2007	27.000	56.000	Phát hành cổ phiếu	Đại hội đồng cổ đông
Năm 2018	56.000	83.922	Phát hành cổ phiếu	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 4/2021	83.922,5	251.457,5	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 11/2021	251.457,5	264.022,01	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 9/2022	264.022	316.795	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 12/2022	316.795	317.158	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn NLĐ	Đại hội đồng cổ đông

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

- Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ logistics và không phát sinh nhiều tác động trực tiếp đến môi trường, Vinafreight vẫn luôn chủ động triển khai các biện pháp nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.
- Công ty ưu tiên sử dụng các vật liệu đóng gói thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế; đồng thời kiểm soát việc phát sinh rác thải, tiết giảm nhiên liệu trong quá trình vận hành. Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường trong sinh hoạt và công việc hằng ngày, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp phát triển bền vững.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics, các nguyên vật liệu chính mà Công ty sử dụng bao gồm xăng, dầu và điện phục vụ cho hoạt động vận hành, khai thác và lưu trữ hàng hóa.
- Nguồn cung các nguyên vật liệu này được Công ty chủ động đa dạng hóa, lựa chọn từ các nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo chất lượng và tính ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với các vật tư tiêu hao như giấy, bìa carton, nhãn in mã vạch sử dụng trong đóng gói và vận chuyển, Công ty chú trọng thực hiện tái sử dụng và tái chế ở mức tối đa. Hoạt động này không chỉ giúp giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường mà còn thể hiện cam kết của Công ty trong việc vận hành doanh nghiệp theo hướng bền vững và có trách nhiệm với xã hội.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Công ty xác định việc sử dụng năng lượng hiệu quả là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, vừa góp phần tiết giảm chi phí vận hành, vừa giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều chương trình truyền thông và đào tạo nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về việc tiết kiệm năng lượng, khuyến khích các hành vi sử dụng năng lượng hiệu quả như: tắt thiết bị điện khi không sử dụng, tiết kiệm nước và vật tư tiêu hao trong sinh hoạt.
- Tổng lượng điện năng tiêu thụ của Công ty trong năm 2025 là 247.155 kWh. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và kiểm soát chỉ tiêu này nhằm hướng đến tối ưu hóa hiệu suất sử dụng năng lượng trong các năm tiếp theo.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Vinafreight luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.
- Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận trường hợp vi phạm nào liên quan đến quy định môi trường. Song song đó, Công ty tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nội bộ nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và trách nhiệm bảo vệ môi trường của người lao động trong toàn hệ thống.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động trong năm 2025 của Công ty là: 121 người.
- Mức lương trung bình trong năm 2025 của Công ty là: 15.195.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Nguồn nhân lực ổn định là yếu tố quan trọng giúp Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

c) Chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi

- Công ty thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp thông qua các chương trình tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đào tạo và phổ biến các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cũng như tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực đảm bảo việc làm ổn định, duy trì thu nhập và thực hiện các chính sách khen thưởng, nâng lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty nhận thức rõ trách nhiệm xã hội là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Trong năm 2025, Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng như hỗ trợ người dân trong các đợt thiên tai, tham gia các chương trình an sinh xã hội và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.
- Công ty tin rằng việc thực hiện tốt trách nhiệm xã hội không chỉ mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng mà còn góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, phát triển bền vững và lâu dài.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

- Hiện tại, Công ty chưa phát sinh các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động cập nhật các chính sách, xu hướng phát triển về tài chính xanh và phát triển bền vững. Trong thời gian tới, Công ty sẽ nghiên cứu và sẵn sàng tham gia các chương trình, sáng kiến liên quan khi có điều kiện phù hợp và định hướng từ cơ quan quản lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh****a. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:**

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 của Công ty Cổ phần Vinafreight (hợp nhất):

DVT: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	(%) TH 2025 so với	
					Kế hoạch năm 2025	Cùng kỳ năm 2024
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.	1.545	1.657	1.773	107%	93%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.	54,2	82,1	100,3	152%	82%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT).	54,2	85,8	101,7	158%	84%
4	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu thuần bán hàng.	3,5%	5,2%	5,7%	148%	90%

- Trong năm 2025, Doanh thu đạt 1.657 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch ngân sách 2025, và bằng 93% so với cùng năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 85,8 tỷ đồng, đạt 158% kế hoạch ngân sách 2025, và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2024.
- Thuận lợi và khó khăn trong năm 2025:
 - ❖ Thuận lợi:
 - + Công ty tiếp tục duy trì ổn định các hợp đồng với khách hàng toàn cầu (global accounts) và các khách hàng lớn, có uy tín trong nước, góp phần đảm bảo nguồn doanh thu bền vững.
 - + Mảng kinh doanh GSA của Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế tiếp tục tăng trưởng tích cực.
 - + Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tiếp tục gia tăng, tạo thêm nhu cầu logistics và dịch vụ hỗ trợ chuỗi cung ứng.
 - + Đội ngũ cán bộ công nhân viên duy trì tinh thần đoàn kết, chủ động thích ứng với khó khăn và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
 - ❖ Khó khăn:
 - + Tình hình địa chính trị và xung đột trên thế giới diễn biến phức tạp làm chi phí vận tải, đặc biệt

là giá cước tàu biển, tăng cao; nhiều khách hàng có xu hướng trì hoãn hoặc giảm sản lượng xuất hàng.

- + Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có dấu hiệu chậm lại, tiềm ẩn nhiều rủi ro do các biến động chính sách sau bầu cử tại Mỹ, ảnh hưởng đến nhu cầu thương mại quốc tế.
- + Sản lượng hàng dịch vụ dự án giảm, nhất là các dự án về trang thiết bị y tế.
- + Hoạt động bán cước vận tải quốc tế chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các công ty logistics đa quốc gia; nguồn hàng freehand giảm dần, thay thế bằng các luồng hàng chỉ định (nominated cargo) vốn là lợi thế của các doanh nghiệp nước ngoài.
- + Hoạt động kinh doanh kho gặp khó khăn do chi phí thuê đất tăng cao (đặc biệt tại kho 196 – Quận 4), trong khi khả năng điều chỉnh giá cho thuê bị hạn chế do cơ sở vật chất đã xuống cấp; mô hình kho tự quản chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.
- + Chính sách giá của hãng tàu PANCON thay đổi cộng thêm yếu tố cạnh tranh từ thị trường lân cận (Thái Lan – BKK/LCH) tăng cao nên hãng điều động vô rỗng đi để gia tăng lợi nhuận từ thị trường có giá cước cao nên cũng góp phần làm giảm sản lượng hàng hóa đi từ Việt Nam (SGN).
- + Một số khách hàng chấm dứt hợp đồng dịch vụ logistics do chính sách tập đoàn.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh doanh ổn định, tối ưu hóa lợi nhuận và tiếp tục giữ vững mối quan hệ hợp tác với các khách hàng lớn, chiến lược.
- Tập trung phát triển các dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh như dịch vụ khai quan nội địa và các dịch vụ logistics tích hợp đi kèm.
- Tập trung nguồn lực vào việc phục vụ các khách hàng đem lại hiệu quả cao, mạnh dạn từ bỏ những mảng kinh doanh chưa hiệu quả.
- Chủ động tái cấu trúc danh mục kinh doanh, ưu tiên nguồn lực cho các mảng hoạt động hiệu quả cao, đồng thời mạnh dạn cắt giảm hoặc thu hẹp các mảng kinh doanh kém hiệu quả.
- Thực hiện rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng ban nhằm tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, đặc biệt là các quy định liên quan đến hợp đồng và hạn mức công nợ khách hàng, góp phần kiểm soát rủi ro pháp lý và tài chính.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng	Năm 2025	Tỷ trọng	% Tăng Giảm
Tài sản ngắn hạn	582.911	61%	586.567	60%	101%
Tài sản dài hạn	367.766	39%	392.121	40%	107%
Tổng tài sản	950.677	100%	978.688	100%	103%

Trong năm 2025, tổng tài sản của Công ty đã ghi nhận mức đạt 978,7 tỷ đồng, tăng 3% so với năm trước đó. Trong cơ cấu tổng tài sản, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 60% và tăng 1% so với năm 2024. Trong đó chủ yếu tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản phải thu khách hàng, tăng lần lượt là 16% và 24%.

Ngoài ra, tài sản dài hạn của Công ty đã ghi nhận mức 392,1 tỷ đồng, tăng 7% so với năm trước và chiếm tỷ trọng 40% trong tổng số tài sản của Công ty. Trong đó, tăng chủ yếu từ Đầu tư liên doanh liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.2 Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng	Năm 2025	Tỷ trọng	% Tăng Giảm
Nợ ngắn hạn	324.902	99%	343.263	99%	106%
Nợ dài hạn	4.638	1%	4.428	1%	95%
Tổng nợ phải trả	329.540	100%	347.691	100%	106%

Trong cơ cấu của nợ phải trả năm 2025, phần lớn là nợ ngắn hạn, chiếm 99%, với mức 343 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2024. Các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho đối tác, các hãng hàng không, hãng tàu, và các khoản vay từ các tổ chức tài chính.

Tổng nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2025 ghi nhận tăng 6% so với năm trước.

2.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2025, Công ty đã tiếp tục hoạt động với bộ máy quản lý và cơ cấu tổ chức hiệu quả trong điều kiện khó khăn từ yếu tố kinh tế lẫn chính trị. Trong thời gian qua, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã liên tục tiến hành rà soát và đánh giá tình hình Công ty từ các phòng ban. Từ đó, Ban Tổng Giám đốc có được góc nhìn và đưa ra cách chính sách điều hành hợp lý:

- Sắp xếp lại các bộ phận phòng ban có liên quan nhằm đảm bảo tiết giảm chi phí, tăng cường hiệu quả kinh doanh.
- Công ty vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác tốt với các đại lý quốc tế, đảm bảo việc kinh doanh liên tục và hiệu quả.
- Nỗ lực tập trung vào các hoạt động dịch vụ khai quan và các giá trị cộng thêm, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng thêm giá trị cho khách hàng.
- Đã giữ vững mối quan hệ với các khách hàng dự án lớn, từ đó duy trì và tăng cường lợi nhuận của Công ty.
- Tăng cường giám sát hoạt động và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các Công ty con trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và biến động thị trường.

2.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	(%) KH vs 2025
Tổng doanh thu hợp nhất	994	1.657	60%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	69,7	85,8	81%

Năm 2026 được dự báo tiếp tục là một năm có nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế thế giới có xu hướng chậm lại do ảnh hưởng của các yếu tố địa chính trị, chính sách tiền tệ thắt chặt tại các nền kinh tế lớn và những thay đổi trong chính sách thương mại sau các sự kiện chính trị quan trọng tại Mỹ.

Bên cạnh đó, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục diễn ra, trong đó các doanh nghiệp quốc tế có xu hướng đa dạng hóa địa điểm sản xuất nhằm giảm phụ thuộc vào một thị trường

duy nhất. Điều này tiếp tục tạo cơ hội cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Căn cứ vào những dự báo trên, Công ty đưa ra các chiến lược thực hiện cho kế hoạch kinh doanh năm 2026:

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Giữ vững mối quan hệ với các khách hàng truyền thống, có luồng hàng ổn định.
- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ sales có nghiệp vụ cao, tích cực tìm kiếm và phát triển hơn nữa mạng lưới khách hàng.
- Tiếp tục tìm kiếm các khách hàng có giá trị hàng hóa, cước cao nhằm gia tăng biên lợi nhuận.
- Rà soát lại các bộ phận kinh doanh còn chưa thực sự hiệu quả để tiếp tục tái cơ cấu nếu cần thiết.
- Siết chặt hơn nữa việc quản lý công nợ khách hàng, tiếp tục thu đòi những khoản nợ còn tồn đọng.

2.5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

2.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...)

- Ngoài các biện pháp cải thiện và tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, Vinafreight cũng chú trọng vào việc sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên quý như nước và điện trong quá trình hoạt động. Công ty không chỉ coi việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mình đối với cộng đồng mà còn nhận thức rằng, việc này ảnh hưởng trực tiếp đến hình ảnh thương hiệu của họ.
- Hơn nữa, trong quá trình kinh doanh, Công ty không sử dụng bất kỳ nguyên vật liệu nào gây ra tác động xấu đến môi trường. Container, gỗ chèn và bao bì ni lông được sử dụng trong quá trình vận chuyển và lưu kho đều được thiết kế để có thể tái chế. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu lượng rác thải mà còn thể hiện cam kết của Công ty đối với mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Để đạt được hoạt động kinh doanh hiệu quả, sự đóng góp của lực lượng lao động là không thể phủ nhận. Vì vậy, để xây dựng một tổ chức Công ty mạnh mẽ, Công ty không ngừng chú trọng vào việc phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách đào tạo và tuyển dụng nhân tài phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ và kịp thời các chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động, tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội nâng cao kiến thức và kỹ năng thông qua các buổi đào tạo.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho nhân viên thông qua các chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ, việc thông tin quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy được phổ biến rộng rãi. Điều này không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe của nhân viên mà còn tạo ra một môi trường làm việc an toàn và tích cực, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Trách nhiệm đối với xã hội ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của các Công ty đại chúng. Vinafreight không chỉ hỗ trợ tham gia mọi hoạt động xã hội và từ thiện khi được chính quyền địa phương vận động, mà còn tích cực đóng góp và ủng hộ cho các chương trình này của cả địa phương và trung ương. Công ty thường tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động của Công đoàn khối Doanh Nghiệp Thương Mại Trung Ương tại TP.HCM, đồng hành và chia sẻ trong các hoạt động cộng đồng của cả nước.
- Ngoài ra, các nhân viên của Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động nhân đạo như hiến máu, tổ chức bữa cơm từ thiện tại các bệnh viện, và thăm và tặng quà trung thu, quà tết cho các trẻ em nghèo của một số địa phương. Hành động này không chỉ thể hiện sự nhân văn và lòng nhân ái của cá nhân mà còn phản ánh tinh thần đoàn kết và trách nhiệm của toàn thể nhân viên Vinafreight đối với cộng đồng xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, tình hình kinh tế và chính trị bất ổn, làm cho số lượng đơn hàng giảm kèm với chi phí gia tăng. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang duy trì ổn định hoạt động kinh doanh và đạt được lợi nhuận ấn tượng trong bối cảnh còn nhiều thách thức. Ban điều hành và toàn bộ người lao động của Công ty đã cùng nhau nỗ lực và giúp Công ty tiếp tục hoạt động ổn định.

1.2 Công tác đầu tư xây dựng:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ logistics và có đặc thù ít tài sản cố định, do đó công tác đầu tư của Công ty tập trung vào việc đầu tư gián tiếp thông qua mua cổ phiếu của các công ty liên kết.

1.3 Công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp:

Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2025 đã có nhiều cố gắng, chủ động giải quyết những công việc thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều Lệ và theo pháp luật, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty trong các mặt hoạt động, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn BĐH về kết quả kinh doanh trong kỳ tại các phiên họp định kỳ, đồng thời, giám sát nhiều hoạt động khác. HĐQT luôn giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025; tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp và kiểm soát rủi ro trong Công ty; luôn giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy nhiệm cho BĐH Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.
- HĐQT luôn theo dõi chặt chẽ biến động thị trường, trong việc triển khai thực hiện kế hoạch, chiến lược kinh doanh đã đề ra.
- Các thành viên HĐQT luôn bám sát từng mảng hoạt động được phân công và luôn được báo cáo thường xuyên các vấn đề của Công ty để cùng có biện pháp xử lý, định hướng và hỗ trợ BĐH tìm ra hướng giải quyết phù hợp.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản trị tài chính, công tác kế toán tài chính của Công ty.
- Đôn đốc BĐH thực hiện công tác thu hồi các công nợ khó đòi, theo dõi liên tục và đưa ra các phương án xử lý kịp thời.
- HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2025 của Ban Điều hành như sau:
 - (i) Triển khai thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy trình, quy định, theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
 - (ii) Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.
 - (iii) Ban Điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - (iv) Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.
 - (v) Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.
 - (vi) Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty.
 - (vii) Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phân đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nhằm tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí trong các hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức cuộc họp của HĐQT theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- HĐQT chủ trì và chỉ đạo sâu sát các phòng ban liên quan tiến hành lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty, tình hình kinh doanh theo từng thời đoạn báo cáo tháng, quý năm cho năm 2026 kịp thời, minh bạch và đúng quy định.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp HĐQT, ban hành các nghị quyết, quyết định theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc các đầu tư mới nếu có.
- Chỉ đạo BDH đẩy mạnh các chương trình marketing nhằm thu hút khách hàng mới tiềm năng.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động kinh doanh, quản trị chi phí...
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Tính đến thời điểm 31/12/2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch HĐQT	292.929	0,92%
2	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	30.160	0,1%
3	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	20.222	0,06%
4	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	0	0%
7	Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	20.560	0,06%

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	29/11/2024	26/10/2025
2	Ông Hà Minh Huân	Thành viên HĐQT	20/11/2025	

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban Điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám đốc và nghe Tổng Giám đốc báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt sự đồng thuận, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- Trong năm 2025, HĐQT đã có 04 phiên họp trực tiếp và 13 lần xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, ban hành 20 Nghị quyết. Các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên Hội đồng quản trị.
- Nội dung các cuộc họp như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ.HĐQT-VNF	22/01/2025	1. Thông qua tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025. 2. Thông qua tình hình hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư năm 2024. 3. Thông qua tình hình công nợ và phương hướng xử lý đối với các khoản nợ phải thu khó đòi. 4. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinafreight. 5. Thông qua việc chi thưởng cuối năm 2024 cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị.	100%
2	02/2025/NQ.HĐQT-VNF	24/02/2025	1. Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung. 2. Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan giữa Công Ty Cổ Phần Vinafreight với người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Vinafreight.	100%
3	03/2025/NQ.HĐQT-VNF	07/03/2025	1. Thông qua phê duyệt danh sách Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu và Thư ký Đại hội để trình Đại hội đồng cổ đông	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt chương trình hợp và các nội dung, tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p>	
4	04/2025/NQ.HĐQT-VNF	27/03/2025	Thông qua phê duyệt cập nhật chương trình hợp và các nội dung, tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.	100%
5	05/2025/NQ.HĐQT-VNF	01/04/2025	<p>1. Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>2. Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam (Công ty con 100% vốn).</p>	100%
6	06/2025/NQ.HĐQT-VNF	01/04/2025	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Hồng Kim Chi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Vinafreight kiêm Kế toán trưởng Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam – Công ty con 100% vốn.	100%
7	07/2025/NQ.HĐQT-VNF	21/05/2025	<p>1. Thông qua tình hình hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2025 và kế hoạch kinh doanh 3 quý còn lại năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>2. Thông qua tình hình hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư trong quý 1 năm 2025 và kế hoạch 3 quý còn lại năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>3. Thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>4. Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty Cổ Phần Vinafreight với người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>5. Thông qua việc điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>6. Thông qua việc trả lại toàn bộ diện tích đất Công Ty Cổ Phần Vinafreight thuê tại địa chỉ số 196 Tôn Thất Thuyết, Phường 3, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	
8	08/2025/NQ.HĐQT-VNF	21/05/2025	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.	100%
9	09/2025/NQ.HĐQT-VNF	28/07/2025	Thông qua phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight và Công ty con của Vinafreight.	100%
10	10/2025/NQ.HĐQT-VNF	07/08/2025	<p>1. Thông qua tình hình hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2025 và kế hoạch kinh doanh 2 quý còn lại năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>2. Thông qua tình hình hoạt động hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư trong quý 2 năm 2025 và kế hoạch 2 quý còn lại của năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p> <p>3. Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu tại các Công ty.</p> <p>4. Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị kiêm Người phụ trách quản trị công ty của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.</p>	100%
11	11/2025/NQ.HĐQT-VNF	01/10/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công Ty Cổ Phần Vinafreight.	100%
12	12/2025/NQ.HĐQT-VNF	11/10/2025	<p>1. Thông qua phương án đầu tư mua cổ phiếu tại các Công ty.</p> <p>2. Thông qua thay đổi đề cử và giới thiệu Người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vinafreight tại Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật ("Konoike Vina").</p>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	13/2025/NQ.HĐQT-VNF	17/10/2025	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 và 09 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch kinh doanh Quý 4 năm 2025. Thông qua tình hình hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính trong Quý 3 năm 2025 và kế hoạch Quý 4 năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Vinafreight. Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ của Công Ty Cổ Phần Vinafreight. 	100%
14	14/2025/NQ.HĐQT-VNF	17/10/2025	Thông qua phương án nhận khoản cấp tín dụng từ Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam.	100%
15	15/2025/NQ.HĐQT-VNF	17/10/2025	Thông qua phương án nhận khoản cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
16	16/2025/NQ.HĐQT-VNF	30/10/2025	Thông qua việc cập nhật và bổ sung các nội dung, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinafreight.	100%
17	17/2025/NQ.HĐQT-VNF	27/11/2025	Thông qua hệ thống thang lương mới của Công ty Cổ phần Vinafreight.	100%
18	18/2025/NQ.HĐQT-VNF	18/12/2025	<ol style="list-style-type: none"> Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty Cổ Phần Vinafreight với người có liên quan của Công Ty Cổ Phần Vinafreight theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công Ty Cổ Phần Vinafreight. Thông qua việc ban hành Quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp của Công Ty Cổ Phần Vinafreight. 	100%

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát

1.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tính đến thời điểm 31/12/2025

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Võ Thành Đồng	Trưởng BKS	1000	0,003%
2	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	96	0,0003%
3	Bà Trần Thị Vân Thơ	Thành viên BKS	0	0%

1.2 Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm 2025: không có

1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), tham gia ý kiến với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát HĐQT và Ban điều hành trong việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, việc chấp hành các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác tài chính, kế toán và thẩm tra Báo cáo tài chính 2025.
- Ban Kiểm soát giám sát việc tái cấu trúc sơ đồ tổ chức, định biên, tinh giảm nhân sự nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động tuân thủ các quy định.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến các vấn đề khó khăn, vướng mắc của công ty trong các cuộc họp HĐQT.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

1.4 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị:

ĐVT: VNĐ/năm

STT	Họ tên	Chức danh	Tổng thu nhập sau thuế TNCN	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2.	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	84.000.000	
3.	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	84.000.000	
4.	Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	84.000.000	
5.	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	
6.	Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	84.000.000	
7.	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	70.000.000	Miễn nhiệm kể từ ngày 26/10/2025
8	Ông Hà Minh Huân	Thành viên HĐQT	8.312.500	Bỏ nhiệm kể từ ngày 20/11/2025

- **Thu nhập của các thành viên Ban kiểm soát:**

ĐVT: VNĐ/năm

STT	Họ tên	Chức danh	Tổng thu nhập sau thuế TNCN
1.	Ông Võ Thành Đồng	Trưởng Ban kiểm soát	84.000.000
2.	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
3.	Bà Trần Thị Vân Thơ	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000

- **Thu nhập của Ban điều hành:**

ĐVT: VNĐ/năm

STT	Họ tên	Chức danh	Tổng thu nhập sau thuế TNCN	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	884.711.550	
2.	Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc	785.146.900	
3.	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	292.929	0,92%	292.929	0,92%	
2.	Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	30.160	0,10%	30.160	0,10%	
3.	Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT	0	0	0	0,00%	
4.	Nguyễn Quang Trung	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	0	0,00%	
5.	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	21.060	0,07%	21.060	0,07%	
6.	Nguyễn Anh Minh	Thành viên HĐQT	20.222	0,06%	20.222	0,06%	
7.	Hà Minh Huân	Thành viên HĐQT	0	0	0	0,00%	

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
8.	Nguyễn Ngọc Nhiên	Phó Tổng Giám đốc	0	0	0	0,00%	
9.2.	Võ Thành Đồng	Trưởng BKS	1.000	0,00%	1.000	0,00%	
10.	Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	96	0,00%	96	0,00%	
11.	Trần Thị Vân Thơ	Thành viên BKS	0	0,00%	0	0,00%	
12.	Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	0	0,00%	0	0,00%	
13.	Bùi Thị Hường	Thư ký HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty	0	0,00%	0	0,00%	
14.	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Tổ chức có liên quan của NNB	3.447.360	10,87%	0	0%	
15.	Công ty Cổ phần Transimex	Tổ chức có liên quan của NNB	18.544.981	58,50%	19.351.981	61,05%	Mua
16.	Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển BĐS Conasi	Tổ chức có liên quan của NNB	4.158.944	13,12%	4.158.944	13,12%	

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

ĐVT: VNĐ

STT	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Transimex	Cho vay		50.000.000.000
		Thu hồi cho vay	50.000.000.000	
		Cổ tức đã chia	29.027.971.500	12.666.486.700
		Lãi cho vay	753.424.658	1.431.506.850
		Sử dụng dịch vụ	1.598.498.403	1.537.045.727
		Cung cấp dịch vụ	32.664.674	360.531.930

STT	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
2	Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Sử dụng dịch vụ	3.422.507.829	3.566.899.873
		Cung cấp dịch vụ	282.890.536	250.694.294
3	Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	2.481.175.247	171.414.536
4	Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Sử dụng dịch vụ	973.834.795	1.853.165.673
5	Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	248.466.030	1.672.252.480
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Sử dụng dịch vụ	678.560.375	1.059.044.575
		Nhận cổ tức	1.753.715.600	1.503.184.800
7	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	Cổ tức đã chia		694.575.000
		Sử dụng dịch vụ		271.002.526
		Cung cấp dịch vụ		1.398.122
8	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	144.757.328	94.776.221
		Sử dụng dịch vụ	104.134.002	6.299.400
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Sử dụng dịch vụ	301.383.386	180.124.111
10	Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Sử dụng dịch vụ	100.612.110	71.985.408
11	Công ty Cổ phần Vinaprint	Cung cấp dịch vụ	948.000.000	1.532.000.000
12	Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Sử dụng dịch vụ	901.277.328	480.088.731
		Nhận cổ tức	2.358.986.500	123.367.500
13	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ	5.493.426.577	5.466.550.679
		Sử dụng dịch vụ	893.314.602	-
		Nhận cổ tức	1.437.571.275	1.065.038.889
14	Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	664.665.000	2.604.315.400
		Sử dụng dịch vụ	8.508.209	31.628.448
		Nhận cổ tức	1.022.560.200	-
15	Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Sử dụng dịch vụ	143.772.584	129.085.234

- Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và nội quy Công ty về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Đồng thời, HĐQT cũng rất quan tâm đến các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị do Ủy ban chứng khoán

Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiêm cận với các thông lệ tốt về quản trị.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tính hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam), đồng thời được Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định và đăng tải toàn văn trên trang thông tin điện tử của Công ty tại: <https://www.vinafreight.com/thong-tin-dau-tu/bao-cao-tai-chinh.html>.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Anh Minh
Tổng Giám đốc